TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 20/07/2023.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2023/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn B – sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 11, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Hiện tạm trú tại địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H – sinh năm 1993.

Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm 11, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Anh B có đơn xét xử vắng mặt, chị Hà vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là anh Hoàng Văn B trình bày: Anh và chị Phạm Thị H sau thời gian tự do tìm hiểu khoảng 6 tháng đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 11 năm 2012 tại UBND xã A, huyện K tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn trong công việc làm ăn của hai người. Năm 2021 anh đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Hà, nhưng thời điểm đó do chị Hà gây khó khăn cho anh trong việc

giải quyết việc gia đình, đồng thời Tòa án phân tích hòa giải anh đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, nhưng sau khi rút đơn thời gian sau đó chị H cũng không về chung sống cùng với anh. Việc anh rút đơn về đoàn tụ đã không mang lại kết quả gì. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh và chị H đã sống ly thân nhau 6 năm này và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ. Do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Phạm Thị Hà.

Về con chung: Anh và chị Hà có hai con chung cháu Hoàng Anh Tấn P sinh ngày 24 tháng 07 năm 2013 và cháu Hoàng Trung H1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu P đang ở với anh trong tỉnh Khánh Hòa, còn cháu H1 đang ở cùng với chị H tại xóm 11, xã A. Nay vợ chồng ly hôn anh nhận nuôi cháu P và đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung : Anh và chị H không có tài sản chung và công nợ nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là chị Phạm Thị H hiện đang cư trú cùng bố anh B là ông Hoàng Văn L tại xóm 11, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình.Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho chị Phạm Thị H và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Phạm Thị H bản thân chị H cũng đã biết việc anh B có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị nhưng chị H không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Con chung của anh chị là cháu Hoàng Anh Tấn P sinh ngày 24 tháng 07 năm 2013 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến nguyện vọng của con, tại bản tự khai ngày 30 tháng 03 năm 2023 cháu P trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn B ly hôn chị Phạm Thị H

- Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung của vợ chồng Hoàng Anh Tấn P sinh ngày 24 tháng 07 năm 2013 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên, tự lập được cuộc sống. Giao cho chị Phạm Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Trung H1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2016. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên, tự lập được cuộc sống. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Anh Hoàng Văn B nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Văn B có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Phạm Thị Hà có nơi cư trú tại: Xóm 11, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là chị Phạm Thị H, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn B và chị Phạm Thị Hà có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 11 năm 2012 tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh B, chị Hà là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, cuộc sống luôn bất đồng quan điểm và mâu thuẫn trong công việc làm ăn của hai người. Năm 2021 anh chị đã làm thủ tục ly hôn nhưng khi Tòa án phân tích hòa giải anh B đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên thời gian sau đó thực tế anh chị không về đoàn tụ và chung sống cùng nhau, dẫn đến việc rút đơn đoàn tụ không đem lại kết quả.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án chị Hà biết việc anh B ly hôn với chị nhưng chị H không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không có quan điểm về việc giải quyết vụ án, các thủ tục sau đó thì chị H cũng bỏ mặc không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Điều này thể hiện chị H không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, gây khó khăn cho việc Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ. Như vậy hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng và chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A thể hiện: Anh Hoàng Văn B và chị Phạm Thị H là công dân của xã A. Sau khi tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã A. Sau khi kết hôn anh B và chị H về sinh sống cùng gia đình ông L. Quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn kinh tế. Còn mâu thuẫn cụ thể như nào chính quyền địa phương cũng không nắm được. Được biết năm 2021 anh B đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị H, nhưng được Tòa án và gia đình hai bên hòa giải khuyên nhủ nên anh B đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên thời gian sau đó anh B cũng không về chung sống cùng chị H. Anh B đi làm ăn trong Miền Nam nhiều năm nay nên anh chị H B không sống chung cùng nhau nữa. Từ ngày anh B bỏ đi làm ăn xa thì chị H và cháu nhỏ vẫn sinh sống cùng với gia đình ông L ở xóm 11, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Về con chung anh B chị H có hai con chung cháu Hoàng Anh Tấn P sinh ngày 24 tháng 07 năm 2013 và cháu Hoàng Trung H1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2016. Hiện cháu P đang ở cùng với anh B, cháu H1 đang ở cùng với chị H và gia đình ông L. Về mức thu nhập của cả hai bên thì do anh B, chị H đều làm nghề tự do nên không nắm được mức thu nhập cụ thể của từng người. Nay anh B và chị H ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị H đã không thể khắc phục được, cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh chị không có khả năng về đoàn tụ. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Anh B và chị H có hai con chung cháu Hoàng Anh Tấn P sinh ngày 24 tháng 07 năm 2013 và cháu Hoàng Trung H1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2016. Thời gian anh chị sống ly thân cháu Phát ở với anh B, cháu H1 ở với chị H. Qua xem xét nguyện vọng của con thì cháu P muốn ở với anh B. Đối với cháu Hiếu thì còn nhỏ đang ở với chị H và sẽ cần cần sự chăm sóc của người mẹ hơn.Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Anh B có nguyện vọng nuôi cháu P, chị H thì không có quan điểm ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cũng như việc nuôi con sau khi ly hôn. Mức thu nhập của hai bên đương sự đều là công dân làm lao động tự do nên chính quyền sơ sở không nắm được mức thu nhập của cả anh B và chị H. Nay để ổn định việc học tập, sinh hoạt cũng như không ảnh hưởng đến tâm, sinh lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn, Tòa án giao cháu Hoàng Anh Tấn P sinh ngày 24 tháng 07 năm 2013 cho anh B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và do cháu H1 còn nhỏ nên giao cháu Hoàng Trung H1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2016 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Như vậy là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của các cháu và cũng đảm bảo quyền lợi của các con chưa thành niên trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng đối với con chung sau khi ly hôn do mỗi người nuôi một con chung và điều kiện nuôi dưỡng con của cả hai bên là như nhau. Do vậy các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con là phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Hoàng Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Hoàng Văn B và chị Phạm Thị H (Quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao cháu cháu Hoàng Anh Tấn P sinh ngày 24 tháng 07 năm 2013 cho anh Hoàng Văn B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Giao cháu Hoàng Trung H1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2016 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004819 ngày 15 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã A, huyện K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Thị Khanh